

## PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TẠO LẬP VĂN BẢN NGHỊ LUẬN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUA SỬ DỤNG HỒ SƠ VIẾT

Chu Thanh Hòa - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ngày nhận bài: 01/08/2018; ngày sửa chữa: 02/08/2018; ngày duyệt đăng: 14/08/2018.

**Abstract:** This article presents the abilities to write a document in general and the abilities to write an essay in particular, the notion of written records, the instructions to create and use written records. Thus, if written records can be used effectively, students' ability in essay writing will improve.

**Keywords:** Writing ability, essays, written records.

### 1. Mở đầu

Trong lịch sử giáo dục các nước, tạo lập văn bản (VB) vốn là một trong những nội dung dạy học cốt yếu ở nhà trường phổ thông bởi tầm quan trọng của nó: “Biết đọc, biết viết là cơ sở và công cụ cho việc học những nội dung khác, những môn học khác. Ban đầu là học để biết đọc, biết viết và sau đó thông qua đọc và viết để học, học trong nhà trường và học suốt đời...” [1; tr 11].

Thuật ngữ “Hồ sơ viết” (HSV) cũng như việc sử dụng HSV vào dạy học tạo lập VB nói chung và tạo lập văn bản nghị luận (VBNL) nói riêng còn khá mới mẻ. Trong *Phương pháp dạy đọc hiểu VB*, hai tác giả Taffy và Efreida (2008) đã đề xuất cách sử dụng các hình thức ghi chép như nhật ký đọc sách (NKDS), mẫu giấy tư duy, phiếu bài tập... Cùng với đó, hai tác giả Nguyễn Thị Hồng Nam và Nguyễn Thị Kim Oanh đã đề cập tới hình thức ghi chép của học sinh (HS) trong dạy đọc hiểu VB là “hình thức thực hiện các hoạt động viết, mục đích là để lưu lại những thông tin, những cảm xúc, suy nghĩ, cảm nhận... của cá nhân HS trong quá trình đọc VB, sau đó chia sẻ với bạn học trong nhóm, trong lớp, qua đó, phát triển kỹ năng đọc cũng như kỹ năng viết và nói của HS” [2; tr 134]. Trên cơ sở kế thừa những nghiên cứu đi trước, bài viết này sẽ góp thêm ý kiến nhằm cụ thể hóa: 1) Khái niệm và cấu trúc năng lực tạo lập VB nói chung và năng lực tạo lập văn bản nghị luận (VBNL) nói riêng; 2) Quan niệm về HSV cũng như hiệu quả của việc sử dụng HSV trong dạy học; 3) Quy trình tạo lập và sử dụng HSV trong dạy học.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Khái niệm

##### 2.1.1. Hồ sơ viết

Trong phạm vi nghiên cứu của mình, chúng tôi quan niệm: HSV là một loại “hồ sơ học tập” lấy việc ghi chép có mục đích và có tổ chức của HS trong quá trình học tập như một phương pháp để hình thành, rèn luyện và phát triển năng lực viết của HS. Tác dụng của HSV được thể hiện ở những khía cạnh sau:

- *Thứ nhất*, HSV thể hiện sự tích hợp giữa hoạt động đọc và hoạt động viết của HS (để viết HS không thể không đọc), vì thế tạo lập và sử dụng hiệu quả HSV có thể giúp HS phổ thông đồng thời cả hai năng lực này. Song, đặc trưng của HSV là thông qua quá trình tạo lập và sử dụng hiệu quả loại hồ sơ này, HS có thể tích lũy không chỉ là kiến thức văn học mà còn là vốn từ, kỹ năng diễn đạt cũng như cách lập luận... nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động tạo lập VB nói chung và tạo lập VBNL nói riêng.

- *Thứ hai*, HSV thể hiện một cách cụ thể và chân thực hoạt động viết của HS theo quá trình/ tiến trình. Do đó, giáo viên (GV) có thể căn cứ vào HSV của HS để đánh giá khách quan năng lực tạo lập VB nói chung và năng lực tạo lập VBNL của HS trong suốt một quá trình học tập qua sự tiến bộ qua từng bài viết của HS. Đồng thời, từ HSV, GV có thể đưa ra những phản hồi, định hướng và điều chỉnh phù hợp cho HS cũng như cách dạy học của bản thân.

- *Thứ ba*, HSV chính là một cách để HS tự phản hồi và tự giám sát hoạt động tạo lập VB của bản thân, từ đó tự có những điều chỉnh phù hợp.

HSV có thể có nhiều hình thức và nội dung khác nhau thể hiện sự sáng tạo của người tạo lập, sử dụng (HS) cũng như của người hướng dẫn tạo lập, sử dụng (GV). Song, chúng tôi quan niệm, HSV được chia làm 2 loại là *HSV tự do* và *HSV theo gợi ý*. HSV tự do là HSV gồm tập hợp các VB của HS tạo lập bằng cách ghi lại tự do những trải nghiệm của mình về một vấn đề nào đó; còn HSV theo gợi ý là HSV gồm tập hợp các VB của HS tạo lập trên cơ sở những gợi ý dẫn theo tiến trình tạo lập VB. Tuy nhiên, dù là HSV tự do hay HSV theo gợi ý thì cũng cần phải đảm bảo hai yếu tố là danh sách các VB tạo lập và phản hồi về VB tạo lập.

Ngay từ tên gọi “HSV” đã phản ánh việc viết như một yêu cầu có tính bắt buộc đồng thời cũng là cơ sở cấu thành nên kiểu loại hồ sơ này. Do vậy hệ quả tất yếu của quá trình viết bao giờ cũng nhằm tạo ra sản phẩm, và



4. Kinh nghiệm tôi rút ra được từ lần tạo lập VB này:

*Mẫu HSV theo gợi ý:*

VĂN BẢN SỐ.....

1. Vấn đề mà tôi sẽ viết:

3. Những phương diện của vấn đề mà tôi sẽ viết:

4. VB tạo lập của tôi:

5. Phản hồi về VB của tôi (phản hồi của tôi/ của người khác):

6. VB sau khi tôi chỉnh sửa:

7. Kinh nghiệm tôi rút ra được từ lần tạo lập VB này:

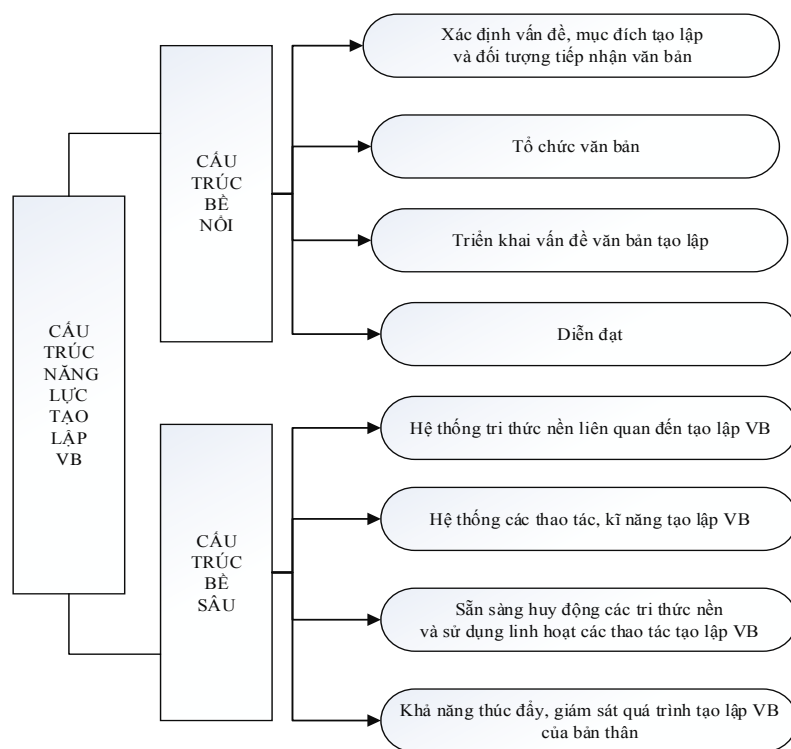
### 2.1.2. Năng lực tạo lập văn bản nghị luận

Năng lực tạo lập VB là khả năng huy động kiến thức (về VB, cách thức tạo lập VB; về chủ đề cần trình bày...), kĩ năng tạo lập VB... để tạo ra VB nói/ viết hoàn chỉnh về nội dung, đúng quy cách về hình thức, phù hợp hoàn cảnh giao tiếp và đạt được mục đích giao tiếp đã đề ra.

Vận dụng vào kiểu bài nghị luận, có thể hiểu năng lực tạo lập VBNL là khả năng tạo ra một VBNL ở dạng nói hoặc viết, hoàn chỉnh về nội dung và hình thức nhằm đạt được mục đích giao tiếp đã đề ra.

Tuy nhiên, để phát triển năng lực tạo lập VB nói chung và năng lực tạo lập VBNL của HS THPT thì việc nhận diện được nội hàm khái niệm thôi là chưa đủ mà còn cần phải xác định được cấu trúc của năng lực này. Theo đó, *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lí GV trung học phổ thông về đổi mới phương pháp dạy học, kĩ thuật xây dựng ma trận đề và biên soạn câu hỏi kiểm tra, đánh giá* đã chỉ ra thành phần của năng lực tạo lập VB gồm: xác định vấn đề và mục đích VB; lập dàn ý; viết; tìm kiếm phản hồi; xem xét lại và chỉnh sửa. Tác giả Trần Thị Hiền

Lương quan niệm các thành tố tạo nên năng lực tạo lập VB bao gồm: kiến thức, kĩ năng và thái độ của người học và đưa ra các chỉ số hành vi tương ứng như: 1) Nội dung, kiến thức thể hiện trong bài viết: xác định vấn đề và mục đích VB; triển khai hệ thống luận điểm; thể hiện sự sáng tạo của cá nhân trong nội dung bài viết; 2) Kĩ năng tạo lập VB thể hiện trong bài viết: tổ chức, kết cấu bài viết; phương thức biểu đạt phù hợp với thể loại VB; sử dụng từ ngữ, diễn đạt và lập luận; hình thức trình bày VB; thể hiện sự sáng tạo của cá nhân trong kĩ năng tạo lập VB. Trên cơ sở tham chiếu quan niệm của các nhà nghiên cứu trước, tác giả bài viết quan niệm cấu trúc năng lực tạo lập VB bao gồm cấu trúc bề nổi và cấu trúc bề sâu với các thành tố tương ứng được thể hiện trong sơ đồ sau:



Cấu trúc bề nổi chính là những thành tố/ kĩ năng được biểu hiện qua các tiêu chí/ chỉ số hành vi giúp đo được năng lực tạo lập VB nói chung và năng lực tạo lập VBNL nói riêng; còn cấu trúc bề sâu là những thành tố đầu vào, những thành tố này phối kết hợp với nhau theo một cơ chế nhất định để giúp người tạo lập VB thực hiện các hành động tạo lập và cho ra được các VB từ quá trình tạo lập ấy.

## 2.2. Các bước hướng dẫn học sinh tạo lập và sử dụng hồ sơ viết

- Bước 1. Giới thiệu HSV:

Trước khi tạo lập HSV, HS cần hiểu rõ khái niệm, đặc biệt là giá trị sử dụng của công cụ này. Nhận thức được những điều đó, HS mới có động cơ tạo lập một cách trung thực, thường xuyên, tích cực và hiệu quả.

- Bước 2. Thống nhất một số yêu cầu khi tạo lập và sử dụng HSV

Như đã trình bày, HSV có hình thức và nội dung rất phong phú, đa dạng nên cả GV và HS cần có những thống nhất về cấu trúc cũng như tiêu chí lựa chọn các nội dung và hình thức trình bày sao cho phù hợp. Để làm được điều này GV cần căn cứ vào trình độ, học lực của HS tại thời điểm tạo lập và sử dụng HSV để từ đó hướng dẫn HS xây dựng HSV có cấu trúc từ đơn giản đến phức

tạp. Chẳng hạn, với HS mới tiếp cận HSV lần đầu tiên thì cấu trúc ở HSV, HS cần xây dựng có thể chỉ bao gồm VB được tạo lập là một đoạn văn; phần phản hồi về VB có thể chỉ yêu cầu HS phản hồi về VB với những tiêu chí đơn giản như chính tả, diễn đạt,...; còn với HS đã tạo lập và sử dụng HSV quen và thành thạo thì GV cần yêu cầu HS xây dựng HSV của mình với cấu trúc nâng cao hơn như: VB phải hoàn chỉnh (bố cục); phản hồi đầy đủ trên bốn phương diện: VB, quá trình tạo lập VB, sự giám sát và điều chỉnh quá trình tạo lập VB; người tạo lập VB; phần rút ra kinh nghiệm sau khi tạo lập VB cũng cần được chú ý;...

Vì HSV là “hồ sơ học tập” được tích lũy trong thời gian dài, nên để dễ quản lí và sử dụng, GV có thể chia nhỏ theo đơn vị thời gian (tuần/ tháng/ học kì) hoặc theo đơn vị kiến

thức (HSV về những vấn đề văn xuôi/ thơ hoặc các vấn đề về thơ, văn kháng chiến chống Pháp/ chống Mĩ/ sau 1975;...). Ngoài ra, GV cũng có những định hướng cụ thể đối với HS trong việc xây dựng và sử dụng HSV cho những vấn đề nghị luận trong sách giáo khoa (SGK) và ngoài SGK, đảm bảo HSV không xa rời chương trình học nhưng cũng không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ SGK.

- Bước 3. Định hướng tiến trình tạo lập, sử dụng HSV

Tạo lập và sử dụng HSV đòi hỏi sự chủ động của cá nhân HS; tuy nhiên, vai trò định hướng và tạo động lực lại phụ thuộc rất lớn vào những định hướng của GV.

Trước hết, GV cần gắn liền việc tạo lập và sử dụng HSV của HS với các hoạt động dạy học trên lớp. Bằng nhiều phương pháp, hình thức tổ chức dạy học khác nhau, GV cần tạo ra tình huống để HS hoàn thiện hồ sơ của mình một cách tự giác, hứng thú và dần dần hình thành thói quen tạo lập và sử dụng HSV thường xuyên. Chẳng hạn, thay vì kiểm tra theo hình thức “truyền thống”: GV đọc đề: “Hãy trình bày cảm nhận của mình về khổ 1 bài thơ “Sóng” của nhà thơ Xuân Quỳnh”, HS viết ra giấy rồi nộp, GV thu chấm điểm,... thì GV có thể yêu cầu HS mở HSV tạo lập về vấn đề nêu trên; sau đó cho HS phản hồi về VB; HS tiến hành chỉnh sửa VB; GV thu lại HSV của HS để đánh giá,...

Cùng với đó, GV cần có kế hoạch xem xét, phản hồi thường xuyên để giúp HS sử dụng HSV một cách hiệu quả. Ngoài GV, HSV của HS nên được chia sẻ cho các bạn cùng lớp để HS có thể phản hồi về HSV của nhau. Như vậy, sự phản hồi từ cả ba phía: bản thân HS, GV, các HS khác sẽ là cơ sở để đánh giá HSV của HS một cách khách quan và công bằng. Tuy nhiên, để làm được điều này, GV và HS cần thống nhất ngay từ đầu các tiêu chí đánh giá HSV như: số lượng VB tạo lập tạo lập; tính khoa học của những phản hồi của người tạo lập VB giúp người đọc/đánh giá hình dung dễ dàng; các vấn đề VB tạo lập đa dạng; VB tạo lập hay để lại nhiều ấn tượng với người đọc; cách trình bày sáng tạo, sinh động...

Ngoài ra, GV cũng khuyến khích HS sử dụng HSV để tạo lập VB về những vấn đề NL ngoài chương trình SGK bằng việc định hướng cho HS mở rộng vốn đọc các tác phẩm ngoài chương trình SGK. Tuy nhiên, để việc đọc và tạo lập VB ngoài SGK không xa rời chương trình học, GV có thể giới thiệu cho HS đọc những tác phẩm của những tác giả được học ngay trong SGK.

### 3. Kết luận

Từ những nghiên cứu trên, chúng tôi nhận thấy sử dụng HSV hiệu quả là một biện pháp giúp phát triển năng lực tạo lập VB nói chung và năng lực tạo lập VBNL nói riêng của HS THPT. Thông qua quá trình tạo lập VB trong HSV, HS có điều kiện luyện tập và thực hành thường xuyên hoạt động viết qua đó ngày càng hoàn thiện các kĩ năng: tổ chức VB; xác định vấn đề, mục đích tạo lập và đối tượng tiếp nhận VB; triển khai vấn đề VB tạo lập; diễn đạt... - thành tố trong cấu trúc bề nổi của năng lực tạo lập VB. Bên cạnh đó, những phản hồi trong HSV sẽ là cơ sở để HS nhìn lại tiến trình tạo lập VB của bản thân, nhận ra những khó khăn, thuận lợi, ưu điểm, hạn chế trong tiến trình tạo lập VB như hệ thống tri thức

nền liên quan đến tạo lập VB; hệ thống thao tác, kĩ năng tạo lập VB; khả năng huy động tri thức nền và vận dụng linh hoạt các thao tác tạo lập VB,... - thành tố trong cấu trúc bề sâu của năng lực tạo lập VB. Như vậy, người tạo lập VB (thông qua quá trình phản hồi về VB do mình tạo lập) cũng như người phản hồi (thông qua quá trình phản hồi VB của người khác) có thể rút ra cho bản thân những kinh nghiệm, bài học cần thiết cho những lần tạo lập VB tiếp theo. Đặc biệt, GV có thể sử dụng HSV của HS như một công cụ hữu ích trong khâu kiểm tra, đánh giá nhằm đưa ra những kết luận khách quan, chính xác hơn về năng lực tạo lập VB nói chung và năng lực tạo lập VBNL nói riêng của HS theo tiến trình để thấy được sự tiến bộ ở các em qua từng bài viết.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Ngọc Thống (2011). *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Nguyễn Thị Hồng Nam - Nguyễn Thị Kim Oanh (2011). *Tác động của hoạt động ghi chép đối với kĩ năng đọc văn bản của học sinh*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tr 133-145.
- [3] Trần Thị Hiền Lương (2015). *Chuẩn đánh giá năng lực tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, tr 10-11.
- [4] Nguyễn Thị Xuân Mai (2017). *Phát triển năng lực viết văn nghị luận cho học sinh qua sử dụng một số hình thức ghi chép trong dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học An Giang, tr 39-53.
- [5] Nguyễn Thành Ngọc Bảo (2018). *Đề xuất cấu trúc năng lực tạo lập văn bản nghị luận trong chương trình Ngữ văn theo mô hình năng lực*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tr 140-151.
- [6] Mai Thị Kiều Phương (2009). *Giáo trình phương pháp dạy học kĩ năng làm văn. Lựa chọn - nghe - nói - đọc - viết*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Taffy E. Raphael - Efreida H. Hiebert (2008). *Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản* (Người dịch: Lê Công Tuấn, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Thị Hồng Nam, Trương Thị Ngọc Diệp, Phạm Việt Tiến, Trần Minh Tuấn, Hồng Lư Chí Toàn (Trường Đại học Cần Thơ). NXB Đại học Sư phạm.